TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 / 2025 /DS-ST

Ngày: 11 - 3 - 2025

Về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bá Tiến

Ông Nguyễn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Trịnh Ngọc Thuỳ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2025, tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1986 và ông Ngô Văn R - sinh năm 1979. Địa chỉ: Kiệt B M (tổ A) phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Bà T, ông R có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm 1979. Địa chỉ: C N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/6/2024 bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn R có cho bà L mượn số tiền 40.000.000đ, hẹn 01 tháng trả. Khi mượn bà L có viết giấy mượn tiền cho vợ chồng ông R bà T, tuy nhiên quá thời hạn trên bà L không thực hiện lời hứa mặc dù ông R bà T đã nhiều lần yêu cầu. Nay ông R bà T đề nghị bà L hoàn trả cho bà số tiền 40.000.000đồng. Không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm: 1. Việc tuân theo

pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này theo các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS thì thấy nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Điều 463, Điều 466,470 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản" của ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngô Văn R, bà Nguyễn Thị T số tiền 40. 000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án về việc tranh

chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt .

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 08/6/2024 bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn R có cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 40.000.000đ, hẹn trả 01 tháng. Khi mượn bà L có viết giấy mượn tiền cho vợ chồng ông R bà T, tuy nhiên quá thời hạn trên bà L không thực hiện lời hứa mặc dù ông R bà T đã nhiều lần yêu cầu. Nay ông R bà T đề nghị bà L hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Ngày 8/6/2024 ông R bà T có cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 40.000.000đ là có cơ sở, thể hiện giấy viết mượn tiền ngày 8/6/2024 của bà L đối với ông R bà T, do vậy giao dịch mượn tiền nêu trên là phù hợp và có hiệu lực về pháp luật. Việc bà L không thực hiện đúng cam kết như đã hứa là vi phạm thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông R bà T đối với bà L là có cơ sở được chấp nhận.

Án phí dân sự bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000 đồng.

Hoàn trả ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng, tại cơ quan Thi hành án quận N, theo biên lai thu số 0003528 ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị L.

1.Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T số tiền là 40.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000 đồng.

Hoàn trả ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng, tại cơ quan Thi hành án quận N, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0003528 ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm ,nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

đã ký

Lương Thị Anh